

QUYẾT ĐỊNH

Quy định số lượng và bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 126/TTr-SNV ngày 26 tháng 02 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về số lượng và bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cán bộ, công chức cấp xã.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã

1. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã được bố trí theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn. Cụ thể như sau:

a) Loại 1: 23 người;

b) Loại 2: 21 người;

c) Loại 3: 19 người.

2. Đối với các xã, thị trấn bố trí Trưởng Công an là công an chính quy thì số lượng cán bộ, công chức quy định tại Khoản 1 Điều này giảm 01 người.

3. Các địa phương căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tế của từng xã, phường, thị trấn không nhất thiết bố trí số lượng tối đa theo quy định tại Điều này, mà có thể bố trí kiêm nhiệm nhưng phải đảm bảo các chức danh cán bộ, công chức cấp xã đều có người đảm nhiệm và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Bố trí cán bộ, công chức cấp xã

1. Cán bộ cấp xã

Mỗi chức vụ cán bộ cấp xã quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ được bố trí tối đa 01 người. Riêng số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được bố trí theo quy định của pháp luật.

2. Công chức cấp xã

a) Bố trí 01 người đảm nhiệm chức danh công chức Chỉ huy trưởng Quân sự.

b) Bố trí không quá 02 người đảm nhiệm một chức danh công chức: Văn hóa - Xã hội, Tư pháp - Hộ tịch, Văn phòng - Thống kê, Tài chính - Kế toán, Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã).

Riêng đối với cấp xã loại 1, chức danh Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã) được bố trí không quá 03 người.

3. Đối với các phường, thị trấn không có tổ chức Hội Nông dân thì số lượng cán bộ quy định tại Khoản 1 Điều này giảm 01 người và có thể bố trí tăng thêm số lượng công chức 01 người so với quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này, tùy theo nhu cầu thực tế của địa phương, nhưng phải đảm bảo chức danh công chức sau khi bố trí tăng thêm không quá 03 người.

4. Kiêm nhiệm chức danh

Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh thì số lượng giảm đi tương ứng và được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm. Kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 11 Thông tư số 13/2019/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ

Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức thực hiện.

2. Sở Tài chính

Cân đối ngân sách để thực hiện chế độ chính sách theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và Quyết định này; hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng nguồn kinh phí để thực hiện chế độ chính sách theo quy định hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Xây dựng phương án bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã đúng theo quy định hiện hành. Bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã dôi dư khi thực hiện Quyết định này.

Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, chỉ đạo kịp thời các nội dung có liên quan.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 và thay thế Quyết định số 1111/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc giao số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Vụ pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hữu Thế